



hào jiǎo

号角

noun · bugle; horn; clarion call

Example Sentence

Zhè cì bǐ sài chuī xiǎng le fèn dòu de hào jiǎo
这次比赛吹响了奋斗的号角。

This competition sounded the clarion call for hard work.

Trace each character, then write the word on your own.

号	号	号	号	号	号	号	号				

角	角	角	角	角	角	角	角	角	角		
